

Số: 36/2019/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 13/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/01/2019 giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị C**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Số nhà 03, tổ 36, phường Th, thành phố T, tỉnh Q.

* Bị đơn: Anh **Triệu Đức Tr**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số nhà 03, tổ 36, phường Th, thành phố T, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị C và anh Triệu Đức Tr.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung là cháu Triệu Đức Q, sinh ngày 02/01/2017 cho chị Hoàng Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Triệu Đức Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng đến khi cháu Quân đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định

kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01 năm 2019. Anh Tr có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Vay nợ chung*: Các đương sự xác định không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Hoàng Thị C tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000223 ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả cho chị C số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Triệu Đức Tr phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (2 bản);
- THADS TP. Tuyên Quang;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Tân Long (để biết);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

Nguyễn Thị Ngọc Lan